

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/DS-ST
Ngày: 05-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANHN
ƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải;

Ông Hồ Chí Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05-02-2026 và ngày 05-3-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp (Trụ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Hữu B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Tấn B1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông B có mặt tại phiên tòa, ông B1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn ông Đặng Hữu B: Ngày 26-4-2020 ông B1 có vay của ông B số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, thời hạn 04 năm (tháng 4-2024) sẽ trả lại tiền gốc, vay có biên nhận. Đến ngày 10-6-2020 ông B1 tiếp tục vay số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, thời hạn tháng 4-2024 sẽ trả lại tiền gốc, vay có biên nhận. Tổng 02 lần vay với số tiền là 90.000.000 đồng. Trong quá trình vay ông B1 không đóng tiền lãi cho ông B. Nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Tấn B1 phải trả cho ông B số tiền vay còn thiếu gốc

90.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi đến ngày 17-9-2025 là 62 tháng với lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền 92.628.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 182.628.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, ông B trình bày từ khi vay đến nay ông B1 có trả tiền lãi cho ông B tổng số tiền 12.000.000 đồng, ông B thống nhất khấu trừ số tiền 12.000.000 đồng vào số tiền lãi là 92.628.000 đồng – 12.000.000 đồng = 80.628.000 đồng. Nay ông Đặng Hữu B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Tấn B1 có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vay còn thiếu gốc 90.000.000 đồng, tiền lãi 80.628.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 170.628.000 đồng.

Bị đơn Lê Tấn B1: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 117, 124, 131, 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu tại phiên tòa là 80.628.000 đồng. Tổng cộng 170.628.000 đồng.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Tấn B1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Khi khởi kiện ông Đặng Hữu B yêu cầu ông Lê Tấn B1 phải trả số tiền vay còn thiếu gốc 90.000.000 đồng, tiền lãi 92.628.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 182.628.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, ông Đặng Hữu B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Tấn B1 có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vay còn thiếu gốc 90.000.000 đồng, tiền lãi 80.628.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 170.628.000 đồng.

Xét thấy: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Tấn B1 và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Lê Tấn B1 đã từ chối nhận văn bản tố

tụng, không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông Đặng Hữu B cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của ông Đặng Hữu B nên yêu cầu của ông Đặng Hữu B là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu B là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Hữu B, buộc ông Lê Tấn B1 có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Hữu B số tiền vay còn thiếu gốc 90.000.000 đồng, tiền lãi 80.628.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 170.628.000 đồng theo quy định tại các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này bị đơn ông Lê Tấn B1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Đặng Hữu B số tiền 170.628.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu $5\% \times 170.628.000 \text{ đồng} = 8.531.400 \text{ đồng}$, lấy tròn 8.531.000 đồng án phí; Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại 4.566.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0005252 ngày 17-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Hữu B.

Buộc ông Lê Tấn B1 có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Hữu B số tiền vay còn thiếu gốc 90.000.000 đồng, tiền lãi 80.628.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 170.628.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tấn B1 có nghĩa vụ chịu 8.531.000 đồng (Tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí.

Ông Đặng Hữu B không phải chịu án phí nên được nhận lại 4.566.000 đồng (Bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0005252 ngày 17-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05-3-2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương